

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 83/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 26-9-2017

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Minh Tiến.

2. Bà Ký Bé Lại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị T, sinh năm 1993 (có mặt).

Cư trú: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Cao Văn D, sinh năm 1993 (xin vắng mặt).

Cư trú: Ấp K, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 7 năm 2017 và tại phiên tòa, bà Phan Thị T trình bày: Vào năm 2013, bà và ông Cao Văn D xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi, xúc phạm lẫn nhau, dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau. Xét thấy, vợ chồng không thể tiếp tục cuộc sống chung và hạnh phúc hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu ly hôn ông Cao Văn D. Con chung có một người tên là Cao Thanh N, sinh ngày 15/3/2014, hiện đang do ông Cao Văn D nuôi dưỡng. Bà yêu cầu giao con chung cho ông Cao Văn D tiếp tục nuôi, bà không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/8/2017, ông Cao Văn D trình bày: Về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng và việc có đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng đúng như bà Phan Thị T trình bày. Nay bà Phan Thị T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý. Về con chung, có một người tên là Cao Thanh N đúng như bà Phan Thị T đã khai. Nay ông đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà Phan Thị T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung là không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc bà Phan Thị T yêu cầu ly hôn ông Cao Văn D là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, ông Cao Văn D đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Cao Văn D là có căn.

[2] Xét về hôn nhân: Bà Phan Thị T và ông Cao Văn D xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân giữa bà Phan Thị T và ông Cao Văn D được pháp luật công nhận. Bà Phan Thị T và ông Cao Văn D thống nhất xác định, trong quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi, xúc phạm lẫn nhau, dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau. Do không thể tiếp tục cuộc sống chung và hạnh phúc hôn nhân không đạt được, nên Phan Thị T yêu cầu ly hôn ông Cao Văn D và được ông Cao Văn D đồng ý. Việc bà Phan Thị T yêu cầu ly hôn và ông Cao Văn D đồng ý ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận cho bà Phan Thị T ly hôn ông Cao Văn D là có căn cứ theo quy định tại điều 56 của luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, có một người tên là Cao Thanh N (giới tính nữ), sinh ngày 15-3-2014, hiện đang do ông Cao Văn D nuôi dưỡng. Bà Phan Thị T yêu cầu giao con chung cho ông Cao Văn D tiếp tục nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Ông Cao Văn D đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà Phan Thị T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa bà Phan Thị T và ông Cao Văn D là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật. Từ đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa bà Phan Thị T và ông Cao Văn D.

[4] Về tài sản chung và nợ chung là không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Phan Thị T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phan Thị T ly hôn ông Cao Văn D.

2. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Phan Thị T và ông Cao Văn D như sau: Ông Cao Văn D chịu trách nhiệm và tiếp tục nuôi dưỡng một người con chung tên là Cao Thanh N (giới tính nữ), sinh ngày 15-3-2014. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Cao Văn D là không yêu cầu bà Phan Thị T cấp dưỡng nuôi con.

Bà Phan Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Phan Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006657 ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Bà Phan Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Phan Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Cao Văn D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- CCTHADS huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện C ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Phương